

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 424/2023/DS-PT

Ngày 21 - 12 - 2023

“*V/v: Tranh chấp hợp đồng giao  
khoán*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Duy Tuấn

*Các Thẩm phán:* Bà Lưu Thị Thu Hương và ông Nguyễn Tân Đức

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Kim Duyên – Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Trương Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 371/2023/TLPT-DS ngày 08 tháng 11 năm 2023, về “*Tranh chấp hợp đồng giao khoán*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 59/2023/DS-ST ngày 12/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 365/2023/QĐ-PT, ngày 15/11/2023 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Quang T (tên gọi khác: Nguyễn Hữu T1).

Trú tại: Thôn A, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Võ Thị H, sinh năm 1992.

Trú tại: D L, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

**2. Bị đơn:** Ông Võ Tá V (tên gọi khác: Võ Tá V1), sinh năm 1950.

Địa chỉ: Thôn A, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

\* Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Đào Khoa T2, sinh năm 1968

- Ông Lê Thế H1, sinh năm 1993

Cùng địa chỉ: Số C L, Tp ., tỉnh Đắk Lắk. Đều có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông V: Luật sư Lê Xuân Anh P – Công ty L2 và Cộng sự. Có mặt.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Ủy ban nhân dân huyện K.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Xuân L, Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện K.

Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

3.2. Ông Võ Tá Đ.

Trú tại: Thôn A, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

4. Người làm chứng:

- Ông Trịnh Đức L1, sinh năm 1955

Trú tại: Thôn P, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Xuân H2, sinh năm 1956.

Trú tại: Thôn F, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

5. Người kháng cáo: Ông Võ Tá V là bị đơn trong vụ án.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

#### ***Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:***

Vào ngày 24 tháng 11 năm 2005, tại đội 15, Nông trường G (nay là thôn A, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, giữa ông Nguyễn Quang T và ông Võ Tá V có ký kết hợp đồng giao khoán đất trồng lúa nước. Theo nội dung của hợp đồng thì ông Nguyễn Quang T đồng ý để cho gia đình ông Võ Tá V thuê và nhận khoán diện tích đất trồng lúa là 4.856m<sup>2</sup>, tọa lạc tại thôn A, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Diện tích đất này thuộc các lô đất số 28, 37, 42. Loại đất: II, giá trị khoảng 100.000.000 đồng. Thời hạn thuê, giao khoán diện tích đất nói trên là từ ngày 24 tháng 11 năm 2005 đến ngày 24 tháng 11 năm 2015. Hai bên thống nhất, trong quá trình nhận khoán diện tích đất nói trên, hằng năm ông Võ Tá V sẽ nộp sản cho ông Nguyễn Quang T bằng sản lượng lúa hoặc quy ra bằng tiền, sản lượng phải nộp được tính là 280kg lúa/01 sào/01 vụ.

Đến hết ngày 24 tháng 11 năm 2015, ông Nguyễn Quang T có liên hệ với ông Võ Tá V để tiến hành thanh lý hợp đồng và đồng thời yêu cầu ông Võ Tá V giao trả lại diện tích đất nói trên cho ông T, nhưng ông V lại không chịu thanh lý hợp đồng giao khoán đã ký kết, đồng thời cũng không giao trả lại cho ông Nguyễn Quang T diện tích đất 4.856m<sup>2</sup> nói trên.

Vì vậy, ông T làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xem xét, giải quyết:

- Tuyên chấm dứt hợp đồng giao khoán đất trồng lúa nước vào ngày 24 tháng 11 năm 2005 giữa bên giao khoán là ông Nguyễn Quang T và bên nhận giao khoán là ông Võ Tá V.

- Buộc ông Võ Tá V phải có trách nhiệm giao trả lại cho ông Nguyễn Quang T diện tích đất trồng lúa nhận khoán là 4.856m<sup>2</sup>, tọa lạc tại thôn A, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Theo kết quả đo đạc của Công ty TNHH D1 thì diện tích đất giao khoán thực tế của 03 thửa đất là 4.867m<sup>2</sup>, có vị trí như sau:

Thửa đất 01: Phía Bắc giáp nương nước; Phía Nam giáp nương nước; Phía Tây giáp đất bà N; Phía Đông giáp đất ông H3, ông P1;

Thửa 02: Phía Bắc giáp nương nước; Phía Nam giáp đất ông T3; Phía Tây giáp đất bà N; Phía Đông giáp đất bà H4;

Thửa 03: Phía Bắc giáp nương nước; Phía Nam giáp đất bà H5; Phía Tây giáp đất ông H6; Phía Đông giáp đất bà T4;

***Đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:***

Giữa gia đình ông V và ông Nguyễn Quang T (tên gọi khác: Nguyễn Hữu T1) có mối quan hệ hàng xóm quen biết cùng thôn.

Vào ngày 24/11/2005, ông V có ký kết hợp đồng giao khoán đất trồng cây lúa nước của ông T1 đất canh tác lúa nước 02 vụ tại khu vực lô số II thuộc đội 15 quản lý như sau: diện tích đất 4.856m<sup>2</sup> thuộc lô số 28, 37, 42, loại đất II, thời hạn giao khoán kể từ ngày 24/11/2005 đến ngày 24/11/2015. Đất tọa lạc tại thôn A, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vị trí đất đúng như theo kết quả đo đạc của Công ty TNHH D1 thì tổng diện tích đất giao khoán thực tế là 4.867m<sup>2</sup>.

Nguồn gốc diện tích đất ông V nhận khoán của ông T1 là của ông T1 nhận khoán của Nông trường 718, sau khi ông T1 nhận khoán của Nông trường 718 thì ông T1 giao khoán lại cho ông V canh tác.

Theo hợp đồng khoán gọn đã ký kết giữa ông V và ông T1 thì hàng năm ông V phải nộp sản lượng cho ông T1 cụ thể là: 280kg/sào/vụ, theo diện tích đất ông V nhận khoán thì hàng năm ông V phải nộp cho ông T1 số sản lượng là 1.359,6 kg/vụ. Kể từ khi ký kết hợp đồng giao khoán cho đến nay ông V đều nộp sản lượng đầy đủ cho ông T1 như hợp đồng đã ký kết.

Theo hợp đồng khoán gọn đã ký kết giữa ông V và ông T1 thì thời hạn hợp đồng hết vào ngày 24/11/2015, tuy nhiên kể từ khi hết hợp đồng đến nay ông V vẫn canh tác trên diện tích đất nhận khoán, vì ông T1 không chịu ký kết lại hợp đồng giao khoán mới với ông V. Ông T1 có đến đòi lại diện tích đất nhận khoán nhưng ông V không đồng ý trả vì ông V vẫn có nguyện vọng canh tác tiếp và muốn ký hợp đồng khoán gọn mới với ông T1.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T1 thì bị đơn ông Võ Tá V không đồng ý, vì: Bị đơn biết thời hạn giao khoán đất trồng cây lúa nước mà bị đơn đã ký kết với ông T1 đã hết. Tuy nhiên, bị đơn vẫn muốn tiếp tục canh tác trên diện tích đất này và hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bị đơn cần diện tích đất để canh tác.

***Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND huyện K trình bày:***

Theo nội dung đơn khởi kiện của ông T1: Vào ngày 10/9/2005, ông T1 có ký hợp đồng thuê khoán sản xuất với Nông trường 718 nội dung ông T1 nhận khoán diện tích 6,7ha đất trồng cây lúa nước thuộc khu vực lô số 2 khu vực đầu cầu Đ, thời gian hợp đồng là 20 năm kể từ ngày 10/9/2005 đến ngày 10/9/2025. Trong phần diện tích này, có diện tích 4.856m<sup>2</sup> ông T1 giao khoán lại cho ông Võ Tá V.

Nông trường 718 đã giải thể từ năm 2007, UBND tỉnh Đ đã ban hành Quyết định số 999/QĐ-UBND ngày 14/5/2007 về việc thu hồi 818,41ha đất tại xã V và xã E, huyện K của Nông trường G và giao cho UBND huyện K quản lý theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật. Sau khi thu hồi, tổng diện tích 676,62ha đất tại xã V (trong đó có 6,7ha đất trồng cây lúa nước thuộc khu vực lô số 2, khu vực đầu cầu Đ mà ông Nguyễn Quang T nhận khoán của Nông trường 718 theo hợp đồng thuê khoán sản xuất cây trồng lúa nước ngày 10/9/2005) đã giao lại cho UBND huyện K quản lý theo quy hoạch.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang T (Nguyễn Hữu T1), ý kiến của UBND huyện K như sau: Hiện nay, diện tích đất tranh chấp giữa ông T1 và ông V đã được UBND tỉnh thu hồi giao cho UBND huyện K quản lý. Ngày 10/9/2005, Nông trường 718 có ký hợp đồng thuê khoán sản xuất cây trồng lúa nước với ông Nguyễn Quang T, thời hạn hợp đồng là 20 năm. Tuy nhiên, Nông trường 718 đã giải thể vào năm 2007. Kể từ khi Nông trường 718 giải thể đến nay, ông T không liên hệ với UBND huyện K để ký kết lại hợp đồng thuê khoán mới.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Tá Đ trình bày:***

Ông Đ là con của ông Võ Tá V, bà Lê Thị H7. Hiện nay ông Đ là người canh tác trên diện tích đất mà ông V đã nhận khoán của ông T. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T thì gia đình ông Đ không đồng ý.

***Quá trình giải quyết vụ án người làm chứng ông Trịnh Đức L1 trình bày:***

Tôi nguyên là kế toán trưởng của Nông trường 718 (đã giải thể năm 2006). Ngày 10/9/2005, tôi cùng với ông Nguyễn Xuân H2, ông Nguyễn Văn D, ông Đỗ Duy H8 đại diện cho Nông trường G có ký hợp đồng thuê khoán sản xuất với ông Nguyễn Hữu T1, thuộc đội 15, địa chỉ: thôn A, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk với nội dung giao khoán cho ông Nguyễn Hữu T1 6,7ha (bao gồm phần diện tích ông T1 khoán lại cho ông V) đất trồng lúa nước thuộc khu vực lô số 2 khu vực đầu cầu Đ, với thời gian hợp đồng là 20 năm kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2005 đến ngày 10 tháng 9 năm 2025 và các nội dung khác theo như hợp đồng mà ông T1 đã cung cấp cho Tòa án.

***Quá trình giải quyết vụ án người làm chứng ông Nguyễn Xuân H2 trình bày:***

Tôi nguyên là phó giám đốc của Nông trường 718 (đã giải thể năm 2006). Ngày 10/9/2005, tôi cùng với ông Trịnh Đức L1, ông Nguyễn Văn D, ông Đỗ Duy H8 đại diện cho Nông trường G có ký hợp đồng thuê khoán sản xuất với ông Nguyễn Hữu T1, thuộc đội 15, địa chỉ: thôn A, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk với nội dung giao khoán cho ông Nguyễn Hữu T1 6,7ha đất trồng lúa nước thuộc khu vực lô số 2 khu vực đầu cầu Đ, với thời gian hợp đồng là 20 năm kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2005 đến ngày 10 tháng 9 năm 2025 và các nội dung khác theo như hợp đồng mà ông T1 đã cung cấp cho Tòa án.

***Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2023/DS-ST ngày 12/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã quyết định:***

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 227, Điều 228, của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 424 của Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quang T (Nguyễn Hữu T1).

Chấm dứt hợp đồng giao khoán đất trồng lúa nước vào ngày 24 tháng 11 năm 2005 giữa bên giao khoán là ông Nguyễn Quang T và bên nhận giao khoán là ông Võ Tá V.

Buộc ông Võ Tá V phải có trách nhiệm giao trả lại cho ông Nguyễn Quang T (Nguyễn Hữu T1) diện tích đất trồng lúa nhận khoán là 4.867m<sup>2</sup>, tọa lạc tại thôn A, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có vị trí như sau:

Thửa đất số 331, tờ bản đồ số 165, diện tích 2806,8m<sup>2</sup>, có vị trí: Phía Bắc giáp nương nước cạnh dài 39,73m; Phía Nam giáp nương nước cạnh dài 34,48m; Phía Tây giáp đất bà N cạnh dài 76,41m; Phía Đông giáp đất ông H3 cạnh dài 36,68m, ông P1 cạnh dài 38,53m;

Thửa đất số 193, tờ bản đồ số 165, diện tích 968,5m<sup>2</sup>, có vị trí: Phía Bắc giáp nương nước cạnh dài 16,29m; Phía Nam giáp đất ông T3 cạnh dài 16,34m; Phía Tây giáp đất ông N cạnh dài 59,41m; Phía Đông giáp đất bà H4 cạnh dài 60,42m.

Thửa đất số 187, tờ bản đồ số 165, diện tích 1.091,7m<sup>2</sup>, có vị trí: Phía Bắc giáp nương nước cạnh dài 18,42m; Phía Nam giáp đất bà H5 cạnh dài 20,68m; Phía Tây giáp đất ông H6 cạnh dài 59,06m; Phía Đông giáp đất bà T4 cạnh dài 54,49m.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 18/9/2023, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Võ Tá V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên đơn kháng cáo.

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày:***

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bởi các lý do, khi Ủy ban nhân dân tỉnh Đ thu hồi đất của Nông trường 718 và giao về cho UBND huyện K quản lý thì hợp đồng thuê khoán ngày 10/9/2005 giữa ông Nguyễn Quang T với lãnh đạo Nông trường 718 cũng chấm dứt, ông T không còn là người sử dụng đất hợp pháp. Ngoài ra, hợp đồng giao khoán ngày 10/9/2005 giữa ông Nguyễn Quang T với lãnh đạo Nông trường 718 là giao dịch vô hiệu vì thời điểm ký kết hợp đồng hộ ông V và các

hộ khác vẫn đang canh tác trên diện tích đất này, khi ký hợp đồng không có sự đồng ý của những người nhận giao khoán trước. Hộ ông V đang là công nhân của Nông trường 718 và đang là người trực tiếp canh tác trên đất tại thời điểm UBND tỉnh Đ thu hồi nên phải giao đất cho hộ ông V tiếp tục sử dụng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:***

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Võ Tá V; Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự - Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2023/DS-ST ngày 12/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định, bị đơn thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tại cấp phúc thẩm bị đơn yêu cầu Tòa án triệu tập Ủy ban nhân dân xã V, huyện K tham gia trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thấy rằng, quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã có văn bản xác minh đầy đủ các nội dung cần thiết tại Ủy ban nhân dân xã V và Ủy ban nhân dân xã V không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nên Tòa án cấp sơ thẩm không đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp nên HĐXX không chấp nhận đối với yêu cầu này.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của bị đơn đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang T, thì thấy:

Ngày 10/9/2005 giữa Nông trường 718 và người nhận khoán ông Nguyễn Quang T (Nguyễn Hữu T1) ký kết hợp đồng giao khoán diện tích 6,7ha đất trồng cây lúa nước thuộc khu vực lô số 2 khu vực đầu cầu Đ, thời gian hợp đồng là 20 năm kể từ ngày 10/9/2005 đến ngày 10/9/2025.

Ngày 24/11/2005, giữa nguyên đơn ông Nguyễn Quang T (Nguyễn Hữu T1) với bị đơn Võ Tá V (Võ Tá V1) ký kết hợp đồng giao khoán đất trồng cây lúa nước với diện tích đất 4.856m<sup>2</sup>, thuộc lô số 28, 37, 42, loại đất II trong diện tích đất ông T1 nhận khoán của Nông trường 718. Theo Điều 1 của hợp đồng giao khoán đất trồng cây lúa nước đã ký kết ngày 24/11/2005 giữa ông T1 và người nhận khoán ông V quy định “*Thời hạn giao khoán kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2005 đến ngày 24 tháng 11 năm 2015*”. Như vậy, đến nay thời hạn giao khoán hợp đồng đã ký kết giữa ông T1 và ông V đã hết. Ông V thừa nhận kể từ khi hết hợp đồng đến nay gia đình ông V vẫn canh tác trên diện tích đất nhận khoán, ông T1 không tiếp tục ký kết lại

hợp đồng giao khoán mới. Do đó, hợp đồng giao khoán đất trồng cây lúa nước ký ngày 24/11/2005 giữa ông T1 và ông V đã hết hiệu lực. Mặc dù, hiện nay Nông trường 718 đã giải thể, diện tích đất nhận khoán của ông T1 với Nông trường 718 đã giao về cho UBND huyện K quản lý. Tuy nhiên, UBND huyện K chưa có quyết định thu hồi diện tích đất trên của ông T1, nên ông T1 vẫn là người sử dụng hợp pháp diện tích đất đã nhận giao khoán này. Do đó, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hủy bỏ hợp đồng giao khoán đất trồng cây lúa nước ngày 24/11/2005 giữa ông T1 với ông V, buộc bị đơn ông Võ Tá V trả lại diện tích đất đã nhận khoán cho ông Nguyễn Quang T là có căn cứ, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Võ Tá V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, tuy nhiên ông V là người cao tuổi được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Võ Tá V, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2023/DS-ST ngày 12/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quang T (Nguyễn Hữu T1).

Chấm dứt hợp đồng giao khoán đất trồng lúa nước vào ngày 24 tháng 11 năm 2005 giữa bên giao khoán là ông Nguyễn Quang T và bên nhận giao khoán là ông Võ Tá V.

Buộc ông Võ Tá V (Võ Tá V1) phải có trách nhiệm giao trả lại cho ông Nguyễn Quang T (Nguyễn Hữu T1) diện tích đất trồng lúa nhận khoán là 4.867m<sup>2</sup>, tọa lạc tại thôn A, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có vị trí như sau:

Thửa đất số 331, tờ bản đồ số 165, diện tích 2806,8m<sup>2</sup>, có vị trí: Phía Bắc giáp nương nước cạnh dài 39,73m; Phía Nam giáp nương nước cạnh dài 34,48m; Phía Tây giáp đất bà N cạnh dài 76,41m; Phía Đông giáp đất ông H3 cạnh dài 36,68m, ông P1 cạnh dài 38,53m;

Thửa đất số 193, tờ bản đồ số 165, diện tích 968,5m<sup>2</sup>, có vị trí: Phía Bắc giáp nương nước cạnh dài 16,29m; Phía Nam giáp đất ông T3 cạnh dài 16,34m; Phía Tây giáp đất ông N cạnh dài 59,41m; Phía Đông giáp đất bà H4 cạnh dài 60,42m.

Thửa đất số 187, tờ bản đồ số 165, diện tích 1091,7m<sup>2</sup>, có vị trí: Phía Bắc giáp nương nước cạnh dài 18,42m; Phía Nam giáp đất bà H5 cạnh dài 20,68m; Phía Tây giáp đất ông H6 cạnh dài 59,06m; Phía Đông giáp đất bà T4 cạnh dài 54,49m.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Võ Tá V1 phải trả cho ông Nguyễn Quang T 10.000.000đ (mười triệu đồng) tiền chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ.

3. Về án phí: Bị đơn ông Võ Tá V1 được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- Dương sự;
- Công thông tin điện tử TA;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Trần Duy Tuấn**